

Số: 06.2023/CBTT-KHD

Hải Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: KHD
- Địa chỉ: Số 87 Vũ Mạnh Hùng, khu dân cư số 2, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại liên hệ/Tel:..... Fax:
- Email: [Hamicokshd@gmail.com](mailto:Hamicokshd@gmail.com)
- Website: [Khoangsanhaiduong.com](http://Khoangsanhaiduong.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2022

BCTC riêng;

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ

máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/03/2023 tại đường dẫn: <http://khoangsanhaiduong.com> – **Mục thông tin cổ đông - Báo cáo tài chính**

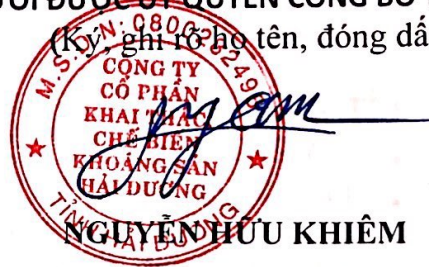
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng năm 2022
- Văn bản giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC riêng năm 2022

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHÉ BIẾN, KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Thắng Bình	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/06/2022)
Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Hồ Văn Tuấn	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 27/06/2022)

#### **Ban kiểm soát**

Ông Cao Văn Cần	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Bùi Văn Quang	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 27/06/2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/06/2022)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Đào Văn Dũng - Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đào Văn Dũng**

**Giám đốc**

Ngày 14 tháng 03 năm 2023

Số: 031401/2023/BCKT-ICPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông,  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 24 bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do trong năm 2021, Công ty đã trích dự phòng quỹ tiền lương với tỷ lệ 10% quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, tương ứng với giá trị 1.260.000.000 đồng là chưa phù hợp với quy định hiện hành của Chế độ Kế toán Việt Nam. Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán riêng, tại ngày 01/01/2022, chỉ tiêu "Phải trả người lao động" đang phản ánh cao hơn thực tế 1.260.000.000 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" phản ánh thấp hơn thực tế giá trị tương ứng.

Trong năm 2022, Công ty đã sử dụng 703.570.000 đồng dự phòng tiền lương để chi cho người lao động và thực hiện hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 556.430.000 đồng. Theo đó, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" đang phản ánh thấp hơn thực tế 1.260.000.000 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" đang bị phản ánh cao hơn thực tế với giá trị tương ứng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II, theo Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 3993/GP-UBND ngày 29/12/2020, mỏ Bắc Tân Sơn hết thời hạn khai thác tại ngày 29/12/2022. Do vậy, Công ty không còn mỏ được cấp phép khai thác. Sản lượng khai thác năm 2022 giảm do trừ lượng đá tại mỏ đã hết dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 của Công ty chỉ còn 10.362.951.500 đồng, tương ứng 19% so với năm trước. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 2.706.891.424 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty được gia hạn khai thác mỏ Áng Bát

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại ngày 22 tháng 03 năm 2022.



**Nguyễn Hoàng Giang**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0997-2021-072-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**  
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2023

**Lê Quốc Anh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3384-2020-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.347.665.446</b>	<b>15.197.807.975</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.435.404.092</b>	<b>7.601.292.365</b>
1. Tiền	111		935.404.092	2.601.292.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	5.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.218.191.439</b>	<b>4.091.628.380</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.919.784.662	4.281.363.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		37.800.000	60.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.600.000.000	1.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	213.566.277	126.658.400
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.552.959.500)	(1.876.393.770)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>361.435.460</b>	<b>1.819.150.373</b>
1. Hàng tồn kho	141		361.435.460	1.819.150.373
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.332.634.455</b>	<b>1.685.736.857</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	1.332.634.455	1.685.736.857
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>47.805.618.642</b>	<b>51.343.681.823</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.081.539.799</b>	<b>24.033.268.306</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	8.400.000.000	11.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13.681.539.799	13.033.268.306
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>770.801.343</b>	<b>1.835.808.087</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	770.801.343	1.835.808.087
- Nguyên giá	222		10.843.848.172	14.677.106.077
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.073.046.829)	(12.841.297.990)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.9</b>	<b>24.953.277.500</b>	<b>25.387.277.500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		27.132.277.500	27.132.277.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.179.000.000)	(1.745.000.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>87.327.930</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	87.327.930
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>61.153.284.088</b>	<b>66.541.489.798</b>

H.H.H. \* 10/12/2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.841.357.503</b>	<b>16.989.056.929</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.841.357.503</b>	<b>11.345.289.929</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	132.182.941	322.055.339
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.817.112	53.797.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	87.351.406	188.132.258
4. Phải trả người lao động	314		174.111.700	1.637.619.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	80.515.182	207.969.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	26.753.523	57.946.523
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	12.214.212.457	8.650.849.400
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		104.413.182	226.920.666
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>5.643.767.000</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14	-	5.643.767.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.15</b>	<b>48.311.926.585</b>	<b>49.552.432.869</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>48.311.926.585</b>	<b>49.552.432.869</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.628.180.000	32.628.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.628.180.000	32.628.180.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.683.746.585	16.924.252.869
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.674.252.869	15.425.371.195
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(990.506.284)	1.498.881.674
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>61.153.284.088</b>	<b>66.541.489.798</b>

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng  
Giám đốc

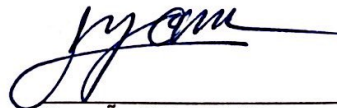
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		10.362.951.500	55.492.128.900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	10.362.951.500	55.492.128.900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.247.402.350	43.933.533.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.549.150	11.558.595.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.173.365.575	980.182.765
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	434.000.000	69.068.493
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	10.068.493
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	491.318.187	2.690.091.664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	2.412.864.163	8.147.557.676
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.049.267.625)	1.632.060.637
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.077.466.797	1.220.594.790
12. Chi phí khác	32		18.705.456	1.001.232.304
13. Lợi nhuận khác	40		1.058.761.341	219.362.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(990.506.284)	1.851.423.123
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	352.541.449
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(990.506.284)	1.498.881.674



Trần Thị Vân  
 Người lập biểu  
 Ngày 14 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Hữu Khiêm  
 Kế toán trưởng



  
 Đào Văn Dũng  
 Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(990.506.284)	1.851.423.123
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	539.997.098	2.238.572.496
Các khoản dự phòng	03	110.565.730	1.594.313.404
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.502.901.382)	(1.500.179.387)
Chi phí lãi vay	06	-	10.068.493
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(1.842.844.838)	4.194.198.129
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.988.609.997	1.935.415.898
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.457.714.913	4.451.214.551
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(4.025.191.942)	(3.941.239.177)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	87.327.930	(87.327.930)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(10.068.493)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.612.713.726)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(372.507.484)	(551.801.446)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.706.891.424)	4.377.677.806
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	854.545.453	1.872.999.999
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(4.000.000.000)	(8.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.186.457.698	968.176.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(458.996.849)	(5.558.823.720)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	100.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.165.888.273)	(1.381.145.914)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.601.292.365	8.982.438.279
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.435.404.092	7.601.292.365

*Trần Thị Vân*

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 03 năm 2023

*Nguyễn Hữu Khiêm*

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là **Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng** được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Đến năm 1977 được đổi tên là Công ty Khai thác, Chế biến đá và Khoáng sản Hải Dương. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 07 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000075 ngày 18 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 12 năm 2019, mã số thuế 0800282498.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 32.628.180.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn) tương ứng 3.262.818 cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến đá làm nhiên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu chế biến Bauxits;
- Khai thác cát đất đồi;
- Sửa chữa cơ khí - điện; và
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2, Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên có trụ sở chính tại Xóm Làng Mới 1, Xã Tân Long, Huyện Đông Hỷ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

**7. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 41 người).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình Lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn số 3993/GP-UBND ngày 29/12/2020, mỏ Bắc Tân Sơn hết thời hạn khai thác tại ngày 29/12/2022. Do vậy, Công ty không còn mỏ được cấp phép khai thác. Sản lượng khai thác năm 2022 giảm do trữ lượng đá tại mỏ đã hết dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 của Công ty chỉ còn 10.362.951.500 đồng, tương ứng 19% so với năm trước. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 2.706.891.424 đồng. Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện việc xin gia hạn khai thác mỏ Áng Bát, đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty cũng đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng, quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền trong 12 tháng tiếp theo. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo các quy định hiện hành.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là tiền phí cấp quyền khai thác mỏ.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được Công ty phân bổ căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Dự phòng phải trả tại Công ty bao gồm: chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	38.186.100	117.341.700
Tiền gửi ngân hàng	897.217.992	2.483.950.665
Các khoản tương đương tiền (*)	3.500.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.435.404.092</b>	<b>7.601.292.365</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch với kỳ hạn 1 tháng và lãi suất 4,8%/năm.

**2. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương - PGD Hoàng Thạch theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5,9%/năm.

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Thành An	-	531.294.600
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	282.248.000
Công ty TNHH Thương mại & Vận tải Phú Ngọc	191.736.450	319.123.150
Các khách hàng khác	1.140.329.212	2.843.227.000
<b>Cộng</b>	<b>1.919.784.662</b>	<b>4.281.363.750</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (i)	2.600.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên (ii)	8.400.000.000	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.400.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	<b>11.000.000.000</b>	<b>12.500.000.000</b>

- (i) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01-2020/HĐVV ngày 30 tháng 03 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 04/PL.01-2020/HĐVV ngày 01/10/2022, số tiền 2.600.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản cho vay theo hợp đồng số 01-2021/HĐVV ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 04/PL.01-2020/HĐVV ngày 01/10/2022, số tiền 8.400.000.000 đồng, lãi suất vay 6%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**5. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Tạm ứng	100.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, ký quỹ	113.566.277	126.658.400
<b>Cộng</b>	<b>213.566.277</b>	<b>126.658.400</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (*)	13.681.539.799	13.033.268.306
<b>Cộng</b>	<b>13.681.539.799</b>	<b>13.033.268.306</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	<b>92.733.400</b>	<b>126.658.400</b>

- (\*) Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,  
Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****6. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	305.471.000	305.471.000	-	305.471.000
Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	282.248.000	282.248.000	-	282.248.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	181.051.800	181.051.800	-	181.051.800
Công ty TNHH Ánh Dương	163.061.700	-	163.061.700	163.061.700	-	163.061.700
Công ty TNHH MTV Thương mại và Vận tải Đại Phú	163.020.500	-	163.020.500	188.020.500	-	188.020.500
Các khoản khác	458.106.500	-	458.106.500	1.177.319.500	420.778.730	756.540.770
<b>Cộng</b>	<b>1.552.959.500</b>	<b>-</b>	<b>1.552.959.500</b>	<b>2.297.172.500</b>	<b>420.778.730</b>	<b>1.876.393.770</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.673.973	-	300.644.126	-
Công cụ, dụng cụ	22.545.466	-	28.363.616	-
Thành phẩm	310.216.021	-	1.490.142.631	-
<b>Cộng</b>	<b>361.435.460</b>	<b>-</b>	<b>1.819.150.373</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,  
Phường Phú Thù, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương**MÃ SỐ B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	6.383.506.006	7.019.053.416	1.195.056.655	79.490.000	14.677.106.077
Thanh lý, nhượng bán	(647.889.166)	(2.933.047.734)	(252.321.005)	-	(3.833.257.905)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.735.616.840</b>	<b>4.086.005.682</b>	<b>942.735.650</b>	<b>79.490.000</b>	<b>10.843.848.172</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	5.776.697.359	5.862.958.792	1.122.151.839	79.490.000	12.841.297.990
Khấu hao trong năm	90.921.854	410.526.196	38.549.048	-	539.997.098
Thanh lý, nhượng bán	(597.920.388)	(2.492.362.634)	(217.965.237)	-	(3.308.248.259)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.269.698.825</b>	<b>3.781.122.354</b>	<b>942.735.650</b>	<b>79.490.000</b>	<b>10.073.046.829</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	606.808.647	1.156.094.624	72.904.816	-	1.835.808.087
Tại ngày cuối năm	465.918.015	304.883.328	-	-	770.801.343

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 6.897.692.702 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.328.842.451 đồng).

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	27.132.277.500	(2.179.000.000)	-	27.132.277.500	(1.745.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>27.132.277.500</b>	<b>(2.179.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>27.132.277.500</b>	<b>(1.745.000.000)</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**Số 87 Vũ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,  
Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	95.887.569	95.887.569	55.946.459	55.946.459
Hợp tác xã Thương mại Quyết Tiến	13.926.000	13.926.000	109.017.880	109.017.880
Công ty Cổ phần MATRA Quốc Tế	-	-	17.006.000	17.006.000
Công ty Công nghiệp Hóa chất Mô Quảng Ninh	-	-	140.085.000	140.085.000
Phải trả cho các đối tượng khác	22.369.372	22.369.372	-	-
<b>Cộng</b>	<b>132.182.941</b>	<b>132.182.941</b>	<b>322.055.339</b>	<b>322.055.339</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**Số 87 Võ Mạnh Hùng, Khu dân cư số 2,  
Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)****11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.496.722	-	-	672.496.722
Thuế thu nhập cá nhân	7.811.250	530.000	-	8.341.250
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	652.326.483	2.076.140.211	1.723.567.809	1.004.898.885
Phí sử dụng đất phi nông nghiệp	-	52.660.100	52.660.100	-
<b>Cộng</b>	<b>1.332.634.455</b>	<b>2.129.330.311</b>	<b>1.776.227.909</b>	<b>1.685.736.857</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	33.275.406	1.121.328.620	1.153.021.417	64.968.203
Thuế tài nguyên	42.554.600	613.723.416	652.854.071	81.685.255
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.521.400	347.497.107	377.454.507	41.478.800
<b>Cộng</b>	<b>87.351.406</b>	<b>2.082.549.143</b>	<b>2.183.329.995</b>	<b>188.132.258</b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	80.515.182	207.969.743
<b>Cộng</b>	<b>80.515.182</b>	<b>207.969.743</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**

**13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	14.808.000	19.930.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	17.200.000
Phải trả ngắn hạn khác	11.945.523	20.816.523
<b>Cộng</b>	<b>26.753.523</b>	<b>57.946.523</b>

**14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường (*)	Tổng
	VND	VND
Số dư đầu năm	14.294.616.400	14.294.616.400
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	2.080.403.943	2.080.403.943
Số dư cuối năm	12.214.212.457	12.214.212.457

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chi tiết:</b>		
Nợ ngắn hạn	12.214.212.457	8.650.849.400
Nợ dài hạn	-	5.643.767.000
<b>Cộng</b>	<b>12.214.212.457</b>	<b>14.294.616.400</b>

(\*) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt. Dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường ngắn hạn cuối kỳ bao gồm các mỏ Hàm Long, Áng Dầu, Áng Bát, Áng Rong, Tân Sơn và Bắc Tân Sơn.

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>15.925.371.195</b>	<b>48.553.551.195</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	1.498.881.674	1.498.881.674
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>16.924.252.869</b>	<b>49.552.432.869</b>
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(990.506.284)	(990.506.284)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(250.000.000)	(250.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>32.628.180.000</b>	<b>15.683.746.585</b>	<b>48.311.926.585</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)**

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.262.818	3.262.818
- Cổ phiếu phổ thông	3.262.818	3.262.818
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đá thô	1.052.470.000	4.828.419.000
Doanh thu bán đá chế biến	9.310.481.500	50.663.709.900
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10.362.951.500</b>	<b>55.492.128.900</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đá thô	1.198.099.260	3.996.275.022
Giá vốn đá chế biến	9.049.303.090	39.937.258.173
<b>Cộng</b>	<b>10.247.402.350</b>	<b>43.933.533.195</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.173.365.575	980.182.765
<b>Cộng</b>	<b>1.173.365.575</b>	<b>980.182.765</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	-	10.068.493
Dự phòng (Hoàn nhập) đầu tư vào công ty con	434.000.000	59.000.000
<b>Cộng</b>	<b>434.000.000</b>	<b>69.068.493</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí thuê máy móc, thiết bị, vận chuyển bốc xếp	491.318.187	2.690.091.664
<b>Cộng</b>	<b>491.318.187</b>	<b>2.690.091.664</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.235.653.520	3.305.033.935
Chi phí khấu hao TSCĐ	65.163.110	80.158.737
Thuế, phí và lệ phí	749.786.409	320.760.455
Trích lập (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(879.864.270)	-
Chi phí mua ngoài	460.434.930	2.042.145.798
Chi phí bằng tiền khác	781.690.464	2.399.458.751
<b>Cộng</b>	<b>2.412.864.163</b>	<b>8.147.557.676</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường	-	580.699.666
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	329.535.807	519.996.622
Thu nhập khác	747.930.990	119.898.502
<b>Cộng</b>	<b>1.077.466.797</b>	<b>1.220.594.790</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(990.506.284)</b>	<b>1.851.423.123</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	33.281.307	444.332.941
- Chi phí không được trừ khác	33.281.307	278.332.941
- Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	-	166.000.000
Chuyển lỗ phát sinh các năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	2.295.756.064
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>459.151.213</b>
Thuế TNDN được giảm 30%	-	(137.745.364)
Thuế TNDN truy thu các năm trước	-	31.135.600
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>352.541.449</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (TIẾP THEO)**

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	830.858.675	5.522.342.934
Chi phí nhân công	3.837.076.660	14.806.612.235
Chi phí khấu hao tài sản cố định	495.814.865	2.238.572.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.327.373.739	13.324.130.114
Hoàn nhập dự phòng	(879.864.270)	-
Chi phí khác bằng tiền	4.386.740.364	14.504.264.359
<b>Cộng</b>	<b>11.998.000.033</b>	<b>50.395.922.138</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đồng lớn nắm giữ trên 20% quyền kiểm soát
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	Công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a. Bán hàng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>891.500.000</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	400.000.000	891.500.000
<b>b. Cho vay</b>	<b>-</b>	<b>8.400.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	-	8.400.000.000
<b>c. Thu hồi tiền cho vay</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	1.500.000.000	-
<b>d. Lãi cho vay</b>	<b>508.075.000</b>	<b>255.733.400</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	508.075.000	255.733.400

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản phải thu của khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	-	-
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>92.733.400</b>	<b>126.658.400</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	92.733.400	126.658.400
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>12.500.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đức Chung Thái Nguyên	11.000.000.000	12.500.000.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>17.200.000</b>
Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	17.200.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc</b>		
Ông Vũ Thắng Bình - Chủ tịch HĐQT	-	66.300.000
Ông Đào Văn Dũng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	158.720.000	301.763.000
Ông Đỗ Quang Mạnh - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	-	244.647.000
Ông Đoàn Văn Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	161.564.000	269.870.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thành viên HĐQT	-	27.300.000
Ông Phạm Thành Đô - Thành viên HĐQT	-	4.200.000
Ông Trần Văn Sừ - Thành viên HĐQT	-	16.800.000
Ông Hồ Văn Tuấn - Thành viên HĐQT	43.108.000	-
<b>Cộng</b>	<b>363.392.000</b>	<b>930.880.000</b>

**2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực kinh doanh khai thác, chế biến khoáng sản. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

Trần Thị Vân  
Người lập biểu  
Ngày 14 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Hữu Khiêm  
Kê toán trưởng



Đào Văn Dũng  
Giám đốc

Số : 33 /CV-KHD  
V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ  
trên Báo cáo kiểm toán BCTC riêng  
năm 2022.

Hải Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi:** Ủy ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội(HNX)

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương giải trình về ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán Quốc Tế trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu năm là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do trong năm 2021, Công ty đã trích dự phòng quỹ tiền lương với tỷ lệ 10% quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, tương ứng với giá trị 1.260.000.000 đồng là chưa phù hợp với quy định hiện hành của Chế độ Kế toán Việt Nam. Theo đó, trên Bảng cân đối kế toán riêng, tại ngày 01/01/2022, chỉ tiêu "Phải trả người lao động" đang phản ánh cao hơn thực tế 1.260.000.000 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" phản ánh thấp hơn thực tế giá trị tương ứng.

Trong năm 2022, Công ty đã sử dụng 703.570.000 đồng dự phòng tiền lương để chi cho người lao động và thực hiện hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 556.430.000 đồng. Theo đó, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" đang phản ánh thấp hơn thực tế 1.260.000.000 đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" đang bị phản ánh cao hơn thực tế với giá trị tương ứng.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

• **Giải trình của Công ty**

Năm 2021, Công ty đã trích lập dự phòng quỹ tiền lương để bổ sung vào quỹ lương năm 2022 với số tiền là 1.260.000.000 đồng. Trong năm 2022, Công ty đã sử dụng 703.570.000 đồng để chi trả cho người lao động, số tiền còn lại Công ty thực hiện hoàn nhập ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền 556.430.000 đồng. Việc ghi nhận dự phòng quỹ lương như trên không làm thay đổi các chỉ tiêu " Phải trả người lao động" và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2022.

Việc trích lập, sử dụng và hoàn nhập dự phòng quỹ tiền lương được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 Hướng dẫn về Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP.

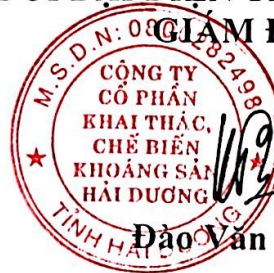
Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã giải trình.

Trân trọng báo cáo!

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCKHN;
- Website;
- Lưu VT, HĐQT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**Đào Văn Dũng**